TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS - PT
Ngày: 13 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình: Ông Hoàng Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2024/TLPT- DS ngày 11/11/2024 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS - ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn***:** Ông Bùi Văn L, sinh năm 1960. Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn An B – Văn phòng luật sư Nguyễn An B và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: phòng E, C Chung cư E, T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Bùi Thị À, sinh năm 1959. Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.2. Chị Bùi Thị L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.3. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N: anh Bùi Văn T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm K, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.4. Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1986. Địa chỉ: xóm R, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.5. Anh Bùi Văn V, sinh năm 1989. Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.7. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3.8. Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Bùi Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: xóm D, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

(Ông L, Luật sư A, anh T, bà N, anh T1, bà À, chị L1, anh V, chị N1 có mặt. Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân xã Q, Ủy ban nhân dân xã C có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày: Ngày 20/12/1998, ông Bùi Văn L được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N427761, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 23.000m^2, mục đích sử dụng: trồng rừng thuộc bãi T, xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Bùi Văn S (bố đẻ anh Bùi Văn T) đã tự ý sử dụng đất của gia đình ông. Sau khi phát hiện ông đã nhiều lần yêu cầu chấm dứt việc lấn chiếm, đã đề nghị xóm can thiệp nhưng ông Bùi Văn S không chấp hành, xóm cũng không giải quyết nên năm 2018 ông làm đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Từ năm 2018 đến nay gia đình ông L và gia đình anh T đã được y ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân xã C hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L tuyên buộc gia đình anh Bùi Văn T trả lại khoảng gần 6.000m^2 đất đã lấn chiếm của gia đình ông.

Bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L vì từ năm 1978, bố mẹ đẻ anh là ông Bùi Văn S và bà Bùi Thị À thấy diện tích đất khoảng 2.800m^2 bỏ hoang nên đã tiến hành khai hoang, canh tác trên mảnh đất này, đến năm 1980 thì làm nhà trên đất. Quá trình khai thác sử dụng gia đình anh T trồng lúa nương, trồng sắn và hiện tại gia đình cũng đang trồng các cây như cây dổi, cây mít, trong đó có 01 cây dổi trên 40 năm tuổi. Trong quá trình sử dụng thửa đất trên, gia đình anh T không xảy ra tranh chấp với

ai. Năm 2007, bố anh T chết, trước khi chết và quá trình sử dụng đất sau này, gia đình đã nhiều lần yêu cầu chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì lý do: diện tích đất gia đình đang sử dụng là khu vực giáp ranh giữa xã C và xã C đang xảy ra tranh chấp về địa giới hành chính nên nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Gia đình anh đã sử dụng ổn định và chỉ có duy nhất mảnh đất này để ở, canh tác, sử dụng, hàng năm đều nộp thuế sử dụng đất. Đến năm 2018, khi có dự án làm đường, cầu đi qua mảnh đất này gia đình anh và gia đình ông Bùi Văn L mới xảy ra tranh chấp. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L và đề nghị tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) đã cấp cho ông Bùi Văn L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị N có cùng quan điểm với nguyên đơn ông Bùi Văn L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị À, chị Bùi Thị L1, anh Bùi Văn V và chị Bùi Thị N1 có cùng quan điểm với bị đơn anh Bùi Văn T. Anh V và chị N1 có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét để trả lại đất cho vợ chồng anh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện L: Theo quy định chung về đất đai tại thời kỳ những năm 1997-1998 thì Ủy ban nhân dân xã C"Đạo đã làm các thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Văn L. Ông Bùi Văn L đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCNQSD đất năm 1998, có danh sách cấp đất theo quy định. Quá trình từ khi cấp đất cho đến trước thời điểm ông L khởi kiện thì Ủy ban nhân dân xã C cũng như Ủy ban nhân dân huyện L chưa nhận được ý kiến phản hồi của cá nhân hay tổ chức nào về quy trình cấp GCNQSD đất cho ông L và hiện nay GCNQSD đất của ông L chưa bị cơ quan nào thu hồi hay tuyên hủy. Do vậy quyền lợi của ông L được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của ông L và các vấn đề khác trong vụ án nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã C, huyện L: Theo quy định chung về đất đai tại thời kỳ những năm 1997-1998 thì Ủy ban nhân dân xã C đã làm các thủ tục để đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Văn L. Ông Bùi Văn L đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCNQSD đất năm 1998 và hiện nay chưa bị cơ quan nào thu hồi hay tuyên hủy. Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng đặc biệt là cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo quản lý của địa phương mà tại thời điểm ông Bùi Văn L có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết việc ông Bùi Văn S (bố của anh Bùi Văn T) có hành vi lấn chiếm đất của ông L, thì người làm chứng này đang công

tác tại Ban đại diện xóm, đã nghi nhận yêu cầu này của ông L trình bày tại các cuộc họp của xóm cũng như họp tiếp xúc cử tri. Tuy nhiên tại thời điểm đó do chưa có đơn bằng văn bản nên chưa được Ủy ban nhân dân xã T2 để giải quyết dứt điểm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L: theo tài liệu từ thời kỳ trước để lại thì gia đình anh Bùi Văn T có đơn đề nghị cấp đất, tuy nhiên do đất ở vị trí giáp ranh địa giới hành chính giữa hai xã C và C (cũ) - nay là xã Q, do đó Ủy ban nhân dân xã không đủ thẩm quyền giải quyết. Sau khi 2 bên có tranh chấp và qua làm việc với Tòa án thì Ủy ban nhân dân xã biết được vị trí đất mà gia đình anh Bùi Văn T yêu cầu cấp GCNQSD đất thuộc địa phận của xã C và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Văn L.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, xác định vị trí thửa đất đang tranh chấp là thửa số 4, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình mang tên ông Bùi Văn L với diện tích được cấp ban đầu là 23.000m^2; diện tích đất hiện đang tranh chấp là 5.378m^2.

Trên thửa đất có: 02 cây bưởi dây khoảng 4-5 năm tuổi đường kính gốc bình quân 7,4cm, đã cho ăn quả; 02 cây bưởi chua khoảng 4-5 năm tuổi, đường kính bình quân 5,7 cm, đã cho ăn quả; 10 cây cọ trong đó có 03 cây có quả; 01 cây mít, đường kính 5,1 x 5,7m; 10 cây cau; 06 cây dổi, đường kính gốc trung bình khoảng 75cm; 02 cây trám, đường kính gốc khoảng 70cm; 03 cây xoan, đường kính gốc khoảng 60cm; 23 cây chuối chưa có quả và 07 cây chuối có quả nhưng chưa cho thu hoạch; 01 cây dừa, đường kính trung bình gốc 73cm; 504m^2 đất trồng keo, thời gian trồng 02 năm được tính theo quy chuẩn; 100 cây dổi nhỏ, cao 60 cm, mới trồng được 05-06 tháng; 200 viên gạch bi; 01 ngôi nhà sàn tạm trên diện tích đất đang tranh chấp có đặc điểm: sàn, vách bằng tre nứa, mái lợp proximang, diện tích khoảng 60m^2, nhà làm khoảng năm 2002; 01 nền đất đỏ nhà cũ, có diện tích khoảng 30m^2, không xác định được thời gian tồn tại.

Trên đất có 01 ngôi mộ của bố đẻ anh Bùi Văn T chôn cất năm 2007. Trong quá trình hòa giải các bên đề nghị không tiến hành đo đạc, kiểm đếm đối với ngôi mộ này.

Kết quả định giá, diện tích 10.847m^2 theo giá đền bù khi nhà nước thu hồi đất có giá: 10.847m^2 x 6.000 đ = 65.082.000đ. Trong đó diện tích 5.453m^2 có giá: 5.453 x 6.000đ = 32.718.000đ; 01 ngôi nhà sàn tạm trên diện tích đất đang tranh chấp có đặc điểm: sàn, vách bằng tre nứa, mái lợp proximang, diện tích khoảng 60m^2, nhà làm khoảng năm 2002 có giá: 60m^2 x 735.000đ x 30% = 13.230.000đ; 01 nền đất đỏ nhà cũ, có diện tích khoảng 30m^2, không xác định được thời gian

tồn tại có giá: 0 đồng; Giá trị cây trên diện tích 5.453m^2 có giá: 10.632.050 đ. Trong đó: 02 cây bưởi dây khoảng 4-5 năm tuổi đường kính gốc bình quân 7,4cm, đã cho ăn quả có giá: 02 x 180.000đ = 360.000đ ; 02 cây bưởi chua khoảng 4-5 năm tuổi, đường kính bình quân 5,7 cm, đã cho ăn quả có giá: 02 x 180.000đ = 360.000đ; 10 cây cọ trong đó có 03 cây có quả có giá: 335.700đ (Trong đó: 03 cây có quả có giá: 03 x 100.000đ = 300.000đ; 07 cây cọ dưới 01 năm tuổi có giá: 07 x 5.100đ = 35.700đ); 01 cây mít, đường kính 5,1 x 5,7m có giá: 5,1 x 5,7 x 105.000đ = 3.052.350đ; 10 cây cau có giá: 10 x 72.000đ = 720.000đ; 06 cây dổi, đường kính gốc trung bình khoảng 75cm có giá: 6 x 50.000đ = 300.000đ; 02 cây trám, đường kính gốc khoảng 70cm có giá: 2 x 50.000đ = 100.000đ ; 03 cây xoan, đường kính gốc khoảng 60cm có giá: 03 x 0đ = 0 đồng; 23 cây chuối chưa có quả và 07 cây chuối có quả nhưng chưa cho thu hoạch có giá: 1.410.000đ (Trong đó: 23 cây chưa có quả có giá: 23 x 40.000đ = 920.000đ; 07 cây chuối có quả có giá: 7 x 70.000đ = 490.000đ); 01 cây dừa, đường kính trung bình gốc 73cm có giá: 1 x 144.000đ = 144.000đ; 504m^2 đất trồng keo, thời gian trồng 02 năm được tính theo quy chuẩn có giá: 50 x 15.000đ = 750.000đ; 100 cây dổi nhỏ, cao 60 cm, mới trồng được 05-06 tháng có giá: 100 x 31.000đ = 3.100.000đ; 200 viên gạch bi (anh Bùi Văn T cam kết tự nguyện di dời sau khi xem xét thẩm định) có giá: 0 đồng.

Số liệu kiểm đếm, thẩm định, định giá được lập vào năm 2019-2020, các bên đương sự không yêu cầu kiểm đếm, thẩm định, định giá lại.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 158; Điều 164; Điều 166; Điều 274; Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L: công nhận thửa đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1 tại xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Bùi Văn L.

Buộc hộ gia đình bị đơn Bùi Văn T trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của hộ ông L tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 1, GCNQSD đất số N427761 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/12/1998 mang tên ông Bùi Văn L với tổng diện tích lấn chiếm là 5.378m^2, tọa lạc tại xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình,

cụ thể thông số và tứ cận theo đúng trích đo ngày 24/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Đối với công trình và cây cối, hoa màu trồng trên đất: Buộc bị đơn phải tự phá dỡ, di dời, thu hoạch, bao gồm: 02 cây bưởi dây khoảng 4-5 năm tuổi đường kính gốc bình quân 7,4cm, đã cho ăn quả; 02 cây bưởi chua khoảng 4-5 năm tuổi, đường kính bình quân 5,7 cm, đã cho ăn quả; 10 cây cọ trong đó có 03 cây có quả; 01 cây mít, đường kính 5,1 x 5,7m; 10 cây cau; 06 cây dổi, đường kính gốc trung bình khoảng 75cm; 02 cây trám, đường kính gốc khoảng 70cm; 03 cây xoan, đường kính gốc khoảng 60cm; 23 cây chuối chưa có quả và 07 cây chuối có quả nhưng chưa cho thu hoạch; 01 cây dừa, đường kính trung bình gốc 73cm; 504m^2 đất trồng keo, thời gian trồng 02 năm được tính theo quy chuẩn; 100 cây dổi nhỏ, cao 60 cm, mới trồng được 05-06 tháng; 200 viên gạch bi; 01 ngôi nhà sàn tạm trên diện tích đất đang tranh chấp có đặc điểm: sàn, vách bằng tre nứa, mái lợp proximang, diện tích khoảng 60m^2, nhà làm khoảng năm 2002; 01 nền đất đỏ nhà cũ, có diện tích khoảng 30m^2, không xác định được thời gian tồn tại. Ngoài ra còn công trình, cây cối, hoa màu được xây dựng, trồng cấy sau khi thẩm định, định giá thì anh T phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phá dỡ, di dời, khai thác, thu hoạch.

Đối với ngôi mộ: Ghi nhận sự tự nguyện của ông L đồng ý tạm thời chưa yêu cầu anh T di dời ngôi mộ, chấp nhận để một lối vào đủ để hộ anh T tiếp tục trông nom ngôi mộ theo phần trích đo ban hành ngày 22/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, khi ông L có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Mọi chi phí liên quan đến việc phá dỡ, di dời, thu hoạch do bị đơn tự chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/8/2024, bị đơn anh Bùi Văn T kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L với lý do bản án có vi phạm thủ tục tố tụng, không xem xét đánh giá chứng cứ tài liệu khách quan và có sai phạm trong việc áp dụng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư An B có ý kiến: Ông L căn cứ vào GCNQSD đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp để yêu cầu anh T phải trả lại đất lấn chiếm, việc cấp GCNQSDĐ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, Chi cục kiểm lâm Hòa Bình xác nhận về việc giao đất đồng thời Ủy ban nhân dân huyện khẳng định việc cấp đất này là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Hơn nữa đất tranh chấp thuộc xã đạo"Chí

Đạo không thuộc xã Q. Anh T đưa ra chứng cứ chứng minh là gia đình anh T đã sử dụng đất trên thực tế, chỉ có một mảnh đất duy nhất để ở, có đóng thuế song Biên lai thuế không thể hiện đóng thuế đất gì, vị trí ở đâu, Luật sư được biết gia đình anh T đã xây nhà kiên cố ở chỗ khác. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của anh T, giữa nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đã lấn chiếm. Vị trí phần đất đang tranh chấp thuộc xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện L đã xác quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, đã thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng không mời người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị N1 và anh V đến phiên toà nhưng Toà vẫn tiến hành xét xử. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã triệu tập chị Bùi Thị N1 và anh Bùi Văn V cùng những người làm chứng, tuy nhiên họ vắng mặt không có lý do nhưng trong hồ sơ vụ án những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ không cản trở việc xét xử. Vụ án bị hoãn rất nhiều lần do các đương sự có đề nghị. Do vậy cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N1 và anh V cũng đã triệu tập đến nhưng chỉ trình bày là nhất trí với ý kiến của anh T, chỉ bổ sung là đề nghị Tòa án giải quyết để trả lại đất cho vợ chồng anh T.

[1.2]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của anh Bùi Văn T trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án

[2.1]. Nguyên đơn ông Bùi Văn L căn cứ GCNQSD đất số N427761 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/12/1998 mang tên ông Bùi Văn L để yêu cầu Tòa án buộc hộ gia đình anh T phải trả lại diện tích lấn chiếm. Tòa án nhân dân huyện L chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Anh T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá chứng cứ tài liệu khách quan vì trên thực tế gia đình anh đã sử dụng diện tích trang chấp được 40 năm, có cây dổi có độ tuổi trên 40 năm làm minh chứng, gia đình có nộp thuế đất thể hiện bằng biên lai thu thuế đất anh đã nộp cho Tòa dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm có sai phạm trong việc áp dụng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại Bản án dân sự theo hướng bác đơn khởi kiện của ông L. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vị trí thửa đất đang tranh chấp là thửa số 4, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình, đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Bùi Văn L với diện tích được cấp là 23.000m^2; diện tích đất hiện đang tranh chấp là 5.378m^2. Ông L2 căn cứ vào GCNQSD do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/12/1998 để yêu cầu hộ gia đình anh T trả lại đất lấn chiếm. Theo tài liệu cung cấp từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L và Chi cục Kiểm lâm Hòa Bình thì có văn bản, giấy tờ ghi nhận việc cấp GCNQSD đất cho ông L. Về trình tự, thủ tục, căn cứ cấp GCNQSD đất đối với với thửa với thửa đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản trả lời là cấp đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, việc cấp GCNQSD đất phù hợp với quy hoạch tại địa phương.

[2.2]. Phía bị đơn anh Bùi Văn T có quan điểm đây là phần đất mà gia đình anh T đã sử dụng hơn 40 năm, có nhiều người sống ở thời điểm đó làm chứng cho anh T. Tuy nhiên những người làm chứng là họ hàng, là người cùng xóm với anh T nên những lời khai này không khách quan, hơn nữa những lời khai này cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bên cạnh đó, anh Bùi Văn T có quan điểm bố đẻ anh là ông Bùi Văn S đã trồng 01 cây dổi trên đất khi bắt đầu khai hoang, hiện cây dổi có độ tuổi trên 40 năm. Qua thực tế xem xét thẩm định tại chỗ thì cây dổi ở vị trí giữa vườn, không có căn cứ để xác định đó là cây mọc tự nhiên hay do con người trồng. Do vậy không đủ căn cứ khẳng

định cây dổi là do ông Bùi Văn S trồng từ những năm 1980. Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành phối hợp với các cơ quan chức năng để đánh giá độ tuổi của cây dổi, nhưng để kết luận chính xác độ tuổi cây cần trưng cầu giám định đến Bộ N2. Tại cấp sơ thẩm, anh T cho rằng nếu qua việc cưa cây dổi để giám định mà kết quả dưới 40 năm thì anh không đồng ý và đề nghị bồi thường cây dổi do gia đình anh. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, anh T không đề nghị đo đạc về đất cũng như không yêu cầu giám định lại tuổi cây dổi.

[2.3]. Biên lai thu thuế đất do anh T nộp không thể hiện đó là nộp thuế cho diện tích đất đang tranh chấp. Tờ đơn đề nghị cấp GCNQSD đất chỉ có chữ ký của ông S, ngoài ra không cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Do đất giáp ranh giữa 2 xã nên chưa được giải quyết, nhưng từ thời điểm đó cho đến khi ông L khởi kiện thì hộ anh T không có ý kiến, phản hồi lên các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được giải quyết dứt điểm. Mặc dù diện tích đất đang tranh chấp được quy chủ cho gia đình anh T tại thửa số 3 tờ bản đồ số 33 năm 2004 của xã C (cũ) - nay là xã Q nhưng là quy chủ theo hộ đang trực tiếp sử dụng để lập bản đồ địa chính chính quy, không phải là một trong các loại giấy tờ làm căn cứ cấp đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, đất tranh chấp nằm trong diện tích 23.000m^2 , đã có Giấy chứng nhận cấp cho ông Bùi Văn L là thửa đất tranh chấp thuộc xã C không phải đất thuộc xã Q nên gia đình anh Bùi Văn T không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình anh T phải trả lại diện tích lấn chiếm 5.378m^2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh Bùi Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Văn T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Bùi Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002369 ngày 27/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình, xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/01/2025)./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu